TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST Ngày: 12/7/2022 V/v : *"Kiện xin ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoàn và bà Hứa Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2022 về việc Kiện xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nông Văn Đ , sinh năm 1982. Số CMND 121658883, do Giám đốc Công an tỉnh B cấp ngày 19/4/2018. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Ph , sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Anh Đ và chị P đều vắng mặt và đều xin xét xử xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ph được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ năm 2004. Do vợ chồng không hợp tính tình, không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Ph.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Ph có một con chung là Nông Văn M , sinh ngày 30/9/2005. Cháu M đang ở cùng anh, anh xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng

nuôi con chung, hiện anh lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 8 triệu/tháng. Nếu chị Ph cũng muốn được trực tiếp nuôi con thì anh cũng đồng ý.

Về quan hệ tài sản: Anh và chị Ph không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai chị Ph trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh Đ trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị xác định vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, anh Đ thường chơi bời cờ bạc, trai gái, thường xuyên đánh chửi chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay và không còn tình cảm gì với nhau, chị cũng không còn muốn níu kéo anh Đ, đã muốn ly hôn anh Đ từ lâu nhưng nay anh Đ xin ly hôn, chị không đồng ý, tùy anh Đ xin ly hôn là quyền của anh Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nông Văn M , sinh ngày 30/9/2005. Cháu M đang ở cùng anh Đ, nếu ly hôn, chị nhất trí để anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M do chị không đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị Ph; xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nông Văn M , anh tự nguyện không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ph xin được vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị Ph. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nông Văn M , sinh ngày 30/9/2005 cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Anh Nông Văn Đ và chị Trần Thị Ph đều xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nông Văn Đ và chị Trần Thị Ph kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ năm 2004, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Ph là do cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Bản thân chị Ph cũng xác định giữa chị và anh Đ không còn tình cảm, hai người không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm và chị không còn muốn níu kéo anh Đ, muốn ly hôn anh Đ từ lâu. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh Đ và chị Ph đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị Ph là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Anh Đ và chị Ph có một con chung là Nông Văn M , sinh ngày 30/9/2005. Cháu M đang ở cùng anh Đ. Anh Đ xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, chị Ph xác định không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên đồng ý để anh Đ được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M; cháu M có ý kiến xin được ở cùng anh Đ. Vì vậy, để đảm bảo cho việc học tập, và phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của cháu M, Tòa án giao cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Anh Đ và chị Ph đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39,

khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị Ph .

3/ Về quan hệ con chung: Giao cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nông Văn M , sinh ngày 30/9/2005 đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0002722 ngày 25 tháng 4 năm 2022.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị Ph được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung